

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2022

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Hùng

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **337/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02/6/2022 về việc “xin ly hôn”** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Mai Bích P**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp Bắc Thạnh, xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0989294772

2. Bị đơn: Anh **Trần Thanh L**, sinh năm 1980

HKTT: Ấp Đông Sơn 1, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Địa chỉ hiện tại: Ấp Đông Sơn 2, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, An Giang. Số điện thoại: 0334363836

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Bích P trình bày: Chị và anh Trần Thanh L qua tìm hiểu đã tiến tới chung sống với nhau từ năm 2000 tại ấp Đông Sơn 1, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Trần Thế V, sinh ngày 13/01/2001. Nhưng đến năm 2002, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không hợp, vợ chồng thường hay cự cãi, anh L không lo cho kinh tế gia đình, nhiều lần có hành vi vũ phu với chị P. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2006 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, chị P đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thế V, sinh ngày 13/01/2001 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Trần Thanh L trình bày: Anh L thống nhất với trình bày của chị P về quá trình chung sống và con chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì anh L trình bày là do tính tình không hợp, vợ chồng thường hay cự cãi, ngoài ra không có nguyên nhân nào khác. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh đồng ý ly hôn với chị P.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thế V, sinh ngày 13/01/2001 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Thanh L vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, mọi vấn đề có liên quan anh L đã trình bày đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án, ngoài ra anh L không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, có đủ cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Bích P và anh Trần Thanh L. Về con chung: Cháu Trần Thế V, sinh ngày 13/01/2001 đã trưởng thành nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí: Chị Mai Bích P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Bích P khởi kiện ly hôn đối với anh Trần Thanh L, tuy nhiên chị P trình bày vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Qua các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và lời khai, chứng cứ bị đơn cung cấp thể hiện anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Đông Sơn 1, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang và hiện đang cư trú tại ấp Đông Sơn 2, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Căn cứ quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Thanh L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và lời khai, chứng cứ bị đơn cung cấp có căn cứ xác định chị P và anh L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn và có 01 con chung tên Trần Thế V, sinh ngày 13/01/2001. Quá trình chung sống như vợ chồng, chị P và anh L không tin tưởng nhau, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc thể hiện bằng việc anh chị đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay.

Xét thấy, chị P và anh L là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật đã chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quan hệ của chị P và anh L không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và tinh thần hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2020/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P mà giải quyết không công nhận chị P và anh L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung, chị P và anh L có 01 con chung tên Trần Thế V, sinh ngày 13/01/2001. Hiện nay cháu Trần Thế V đã

trưởng thành, tự lao động được, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận chị Mai Bích P và anh Trần Thanh L là vợ chồng.

2. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con: Con chung tên Trần Thế V, sinh ngày 13/01/2001 hiện nay đã thành niên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động hoặc không có tài sản để tự nuôi mình và các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Mai Bích P trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Mai Bích P và anh Trần Thanh L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Mai Bích P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã

nộp theo biên lai thu số 0009275 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Như vậy, chị P đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm. Anh Trần Thanh L không phải chịu án phí.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Thoại Giang, h. Thoại Sơn;
- UBND thị trấn Núi Sập, h. Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên